

Số: ~~1502~~ /QĐ-ĐHTCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ~~15~~ tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành mục tiêu, chuẩn đầu ra
của các chương trình đào tạo chuẩn trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 91/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học 2025;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1911/QĐ-ĐHTCM ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành quy định xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; rà soát, đánh giá và cải tiến các chương trình đào tạo các trình độ đào tạo tại Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Thông báo số 1280/TB-ĐHTCM-QLĐT ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing kết luận tại phiên họp Hội đồng Khoa học và đào tạo tháng 4/2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo và Trưởng khoa các Khoa, Viện đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này mục tiêu, chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo chuẩn trình độ đại học tại Trường Đại học Tài chính – Marketing. ✓

Điều 2. Mục tiêu, chuẩn đầu ra quy định tại Điều 1 được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2026 trở đi.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trường phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng, Trường các Khoa, Viện đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./✓

Nơi nhận:

- PHT phụ trách đào tạo;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT (02b). ✓



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Tiến Đạt

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**DANH SÁCH CÁC NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH CỦA
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1502 /QĐ-ĐHTCM ngày 15 tháng 4 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

STT	NGÀNH ĐÀO TẠO	CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO
1	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp
		Quản trị bán hàng
2	Bất động sản	Kinh doanh bất động sản
3	Marketing	Quản trị Marketing
		Truyền thông marketing
		Quản trị thương hiệu
4	Kinh doanh quốc tế	Quản trị kinh doanh quốc tế
		Thương mại quốc tế
		Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu
5	Tài chính – Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp
		Ngân hàng
		Thẩm định giá
		Thuế
		Tài chính công
6	Công nghệ tài chính	Hải quan – Xuất nhập khẩu
6	Công nghệ tài chính	Công nghệ tài chính
7	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp
		Kiểm toán
8	Kiểm toán	Kiểm toán
9	Luật kinh tế	Luật đầu tư và kinh doanh
10	Kinh tế	Kinh tế
11	Kinh tế chính trị	Kinh tế chính trị quốc tế
		Kinh tế chính trị tài chính
12	Quản lý kinh tế	Quản lý kinh tế
13	Toán kinh tế	Tài chính định lượng
14	Hệ thống thông tin quản lý	Hệ thống thông tin kế toán
		Tin học quản lý
15	Khoa học dữ liệu	Khoa học dữ liệu
16	Trí tuệ nhân tạo	Trí tuệ nhân tạo trong phân tích

STT	NGÀNH ĐÀO TẠO	CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO
		kinh doanh và tài chính
		Trí tuệ nhân tạo trong Marketing số
17	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh kinh doanh
Tổng cộng: 17 ngành, 31 chuyên ngành đào tạo./.		

**MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA
CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1502/QĐ-ĐHTCM, ngày 15 tháng 4 năm 2026
của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính - Marketing)

1. Giới thiệu chung về ngành đào tạo

- Ngành đào tạo (tiếng Việt): **TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**
- Ngành đào tạo (tiếng Anh): **FINANCE - BANKING**
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Mã ngành: 7340201
- Định hướng đào tạo: Ứng dụng

2. Mục tiêu đào tạo:

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng theo định hướng ứng dụng, có kiến thức nền tảng và kiến thức thực tiễn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng và các lĩnh vực liên quan; có khả năng vận dụng kiến thức để phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong doanh nghiệp, tổ chức tín dụng và cơ quan quản lý nhà nước trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế. Người học có khả năng sử dụng các công cụ số và công nghệ hỗ trợ trong hoạt động nghề nghiệp; có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và tổ chức công việc chuyên môn phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Đồng thời, người học có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và khả năng thích ứng với môi trường làm việc thay đổi, đáp ứng nhu cầu nhân lực cho các ngân hàng, doanh nghiệp và cơ quan hành chính sự nghiệp

2.2. Mục tiêu cụ thể:

❖ *Về kiến thức:*

PO1: Vận dụng kiến thức lý thuyết hệ thống, kiến thức thực tiễn và kiến thức liên ngành về kinh tế, pháp luật, công nghệ và dữ liệu để phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng; có khả năng phản biện, đề xuất giải pháp và thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

❖ *Về kỹ năng:*

PO2: Thực hiện được kỹ năng phân tích, phản biện, giải quyết các vấn đề chuyên môn phức tạp; sử dụng công cụ số, dữ liệu và công nghệ hiện đại để thực hiện các nghiệp vụ tài chính - ngân hàng trong môi trường toàn cầu hóa và chuyển đổi số.

❖ *Về mức tự chủ và trách nhiệm:*

PO3: Phát triển khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong hoạt động nghề nghiệp; có khả năng quản lý, điều phối và đánh giá hoạt động chuyên môn; tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội.

3. Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

❖ *Về kiến thức*

- PLO1: Vận dụng kiến thức lý thuyết hệ thống, kiến thức thực tiễn và kiến thức liên ngành để phân tích, đánh giá và phản biện các vấn đề trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

+ PI 1.1: Vận dụng kiến thức nền tảng, kiến thức hệ thống và kiến thức liên ngành để phân tích và đánh giá các vấn đề trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

+ PI 1.2: Vận dụng kiến thức lý thuyết, thực tiễn và liên ngành để phản biện một cách có cơ sở khoa học các vấn đề trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

- PLO2: Vận dụng các kiến thức nền tảng của khối ngành kinh tế và các công cụ số, dữ liệu và công nghệ hiện đại nhằm thực hiện các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng trong môi trường hội nhập quốc tế.

+ PI 2.1: Vận dụng kiến thức nền tảng của khối ngành kinh tế để thực hiện các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

+ PI 2.2: Vận dụng các công cụ số, dữ liệu và công nghệ hiện đại để xử lý, phân tích và hỗ trợ ra quyết định trong các hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

- PLO3: Phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề chuyên môn; đề xuất giải pháp và sáng kiến phù hợp trong các bối cảnh nghề nghiệp khác nhau.

+ PI 3.1: Phân tích và đánh giá được các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng dựa trên kiến thức ngành và chuyên ngành, trong các bối cảnh nghề nghiệp khác nhau.

+ PI 3.2: Vận dụng kiến thức ngành và chuyên ngành để đề xuất giải pháp và sáng kiến nhằm giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng trong các bối cảnh nghề nghiệp khác nhau.

❖ *Về kỹ năng:*

- PLO4: Xử lý được các tình huống liên quan đến hoạt động về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật; sử dụng tiếng Anh chuyên ngành để giải quyết công việc thuộc ngành đào tạo.

+ PI 4.1: Xử lý được các tình huống liên quan đến hoạt động về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật để giải quyết công việc thuộc ngành đào tạo

+ PI 4.2: Sử dụng tiếng Anh để hỗ trợ công việc thuộc ngành đào tạo.

- PLO5: Ứng dụng công nghệ số, dữ liệu và các công cụ chuyên môn để giải quyết các tình huống liên quan; giải quyết các bài toán, nghiệp vụ chuyên ngành, xây dựng và định,

hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

+ PI 5.1: Ứng dụng công nghệ số, dữ liệu và các công cụ chuyên môn để xử lý thông tin và giải quyết các bài toán, tình huống trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

+ PI 5.2: Giải quyết các nghiệp vụ chuyên môn; đồng thời xây dựng và phát triển định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

- PLO6: Vận dụng kiến thức chuyên ngành và kỹ năng nghề nghiệp để tổ chức, triển khai và đánh giá các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

+ PI 6.1: Xác định và phân tích các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng làm cơ sở cho việc tổ chức và triển khai các hoạt động nghiệp vụ.

+ PI 6.2: Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật nghiệp vụ và quy trình chuyên môn để đánh giá các hoạt động trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

❖ *Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:*

- PLO7: Làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi; có khả năng quản lý, điều phối và chịu trách nhiệm đối với hoạt động chuyên môn; tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội.

+ PI 7.1: Thực hiện làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi; có khả năng quản lý, điều phối công việc và chịu trách nhiệm cá nhân cũng như trách nhiệm chung trong hoạt động chuyên môn.

+ PI 7.2: Tự định hướng trong công việc chuyên môn; đưa ra nhận định và kết luận có cơ sở, đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội. ✓

4. Ma trận liên kết giữa các học phần và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
1. Khối kiến thức Giáo dục đại cương																
a	Kiến thức lý luận chính trị															
1	Triết học Mác – Lênin	3	I													I
2	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	2	I													I
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	I													I
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	I													I
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	I													I
b	Kiến thức pháp luật															
6	Pháp luật đại cương	3	R							R						R
c	Ngoại ngữ															
7	Tiếng Anh trong kinh doanh	3	I							I						I
8	Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao	3	R							R						R
d	Toán – Tin học															
9	Năng lực số	3	I							I						I
10	Toán kinh tế	3	I							I						I
2. Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp																
a	Kiến thức cơ sở ngành															
11	Kinh tế học vi mô	3	I		I					I						I

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
12	Kinh tế học vĩ mô	3	I		I				I						I	
13	Nguyên lý kế toán	3	R	R								R			R	
14	Nguyên lý Marketing	3			R		R									
15	Quản trị học	3			R								I	R		I
16	Tài chính – Tiền tệ	3			R							R			R	
17	Luật kinh doanh	3			R						R				R	
18	Thuế	3			R							R			R	
19	Tài chính doanh nghiệp	3		R/A						R/A					R/A	
20	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3			R		M	M					R			R
21	Kinh tế lượng	3	R							R			R			R
22	Phát triển bền vững	3	R						R				R		R	
23	Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh	3			R						R				R	
<i>b</i>	<i>Kiến thức ngành</i>															
24	Kế toán tài chính	3	R	R							R				R	
25	Nguyên lý bảo hiểm	3					M	M					M		M	
26	Nguyên lý thẩm định giá	3					M	M					M		M	
27	Tài chính công	3	R/A				R		R/A				R		R	
28	Hành vi khách hàng	3	R				R			R						R
29	Tài chính cá nhân	3					M	M					M		M	
30	Tài chính quốc tế	3		R/A			R			R/A			R		R/A	
31	Kiểm toán căn bản	3			R	R					R					R

STT	Tên học phần	TC	PLOs														
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	
32	Ngân hàng thương mại	3	R/A					R				R/A				R	
33	Thị trường chứng khoán	3		R				R				R				R	
c	Kiến thức chuyên ngành																
Chuyên ngành 1: Tài chính doanh nghiệp																	
	Học phần bắt buộc																
34	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	3			M/A			M/A						M/A		M	
35	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3			M/A			M/A						M/A		M	
36	Thực hành nghề nghiệp Tài chính - Ngân hàng	3								M						M	
Tự chọn: chọn 2 học phần (mỗi nhóm 1 học phần)																	
Nhóm 1																	
37	Quản trị rủi ro tài chính	3				M/A			M					M/A	M/A		M
38	Định giá đầu tư	3				M/A			M					M/A	M/A		M
Nhóm 2																	
39	Đầu tư tài chính	3				M/A				M				M/A	M/A		M
40	Tài chính hành vi	3				M/A			M					M/A	M/A		M
Chuyên ngành 2: Ngân hàng																	
	Học phần bắt buộc																
41	Thanh toán quốc tế	3			M/A			M/A						M/A	M		M
42	Thẩm định tín dụng	3			M/A			M/A						M/A	M		M

STT	Tên học phần	TC	PLOs														
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	
43	Thực hành nghề nghiệp Tài chính - Ngân hàng	3							M						M		M
Tự chọn: chọn 2 học phần (mỗi nhóm 1 học phần)																	
Nhóm 1																	
44	Kinh doanh ngoại hối	3				M/A			M					M/A	M/A		M
45	Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng	3				M/A			M					M/A	M/A		M
Nhóm 2																	
46	Chứng khoán phái sinh	3				M/A			M					M/A	M/A		M
47	Quản trị ngân hàng	3				M/A			M					M/A	M/A		M
Chuyên ngành 3: Hải quan – Xuất nhập khẩu																	
Học phần bắt buộc																	
48	Phân loại và xuất xứ hàng hóa xuất nhập khẩu	3			M/A		M/A						M/A		M		
49	Trị giá hải quan	3			M/A		M/A		M/A				M/A		M		
50	Kiểm tra, giám sát hải quan	3							M						M		M
Tự chọn: chọn 2 học phần (mỗi nhóm 1 học phần)																	
Nhóm 1																	
51	Chính sách thuế quan	3				M/A			M					M/A	M/A		M
52	Quản trị xuất nhập khẩu	3				M/A			M					M/A	M/A		M
Nhóm 2																	
53	Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ	3				M/A			M					M/A	M/A		M

STT	Tên học phần	TC	PLOs														
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	
	Nhóm 1																
65	Đạo đức thuế	3				M/A		M						M/A	M/A		M
66	Hoạch định thuế	3				M/A		M						M/A	M/A		M
	Nhóm 2																
67	Quản lý rủi ro tuân thủ thuế	3				M/A		M						M/A	M/A		M
68	Thuế quốc tế	3				M/A		M						M/A	M/A		M
Chuyên ngành 6: Thẩm định giá																	
	Học phần bắt buộc																
69	Thẩm định giá bất động sản	3			M/A			M/A					M/A		M		M
70	Thẩm định giá động sản	3			M/A			M/A					M/A		M		M
71	Thẩm định giá doanh nghiệp	3							M						M		M
Tự chọn: chọn 2 học phần (mỗi nhóm 1 học phần)																	
	Nhóm 1																
72	Pháp luật trong thẩm định giá tài sản	3				M/A		M						M/A	M/A		M
73	Kỹ thuật bất động sản	3				M/A		M						M/A	M/A		M
	Nhóm 2																
74	Quy hoạch đô thị	3				M/A								M/A	M/A	M	M
75	Phân tích lợi ích và chi phí	3				M/A								M/A	M/A	M	M
d	Kiến thức bổ trợ ngành: chọn 1 cặp gồm 2 học phần																
	Cấp 1																
76	Ngân hàng số	3						M							M	M	M

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
77	Công nghệ tài chính	3					M							M	M	
	Cấp 2															
78	Kiểm tra sau thông quan	3					M							M	M	
79	Quản lý hải quan hiện đại	3					M							M	M	
3. Tốt nghiệp																
80	Khóa luận tốt nghiệp	6						M/A				M		M/A		M/A
	Hoặc															
81	Thực tập cuối khóa							M/A				M		M/A		M/A
82	Học phần thay thế dành cho chuyên ngành Ngân hàng và Tài chính doanh nghiệp: Thực hành ngân hàng điện tử và thực hành mô phỏng đầu tư tài chính	3						M/A				M		M/A	M/A	
83	Học phần thay thế dành cho chuyên ngành Hải quan - Xuất nhập khẩu: Thực hành khai báo hải quan	3						M/A				M		M/A	M/A	
84	Học phần thay thế dành cho chuyên ngành Thuế và Tài chính công: Thực hành kê khai thuế	3						M/A				M		M/A	M/A	
85	Học phần thay thế dành cho chuyên ngành Thẩm định	3						M/A				M		M/A	M/A	

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
	giáo: Thực hành nghiên cứu thị trường tài sản															

Ghi chú: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- I (Introduced) – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- R (Reinforced) – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...
- M (Mastery) – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.



VIỆN TRƯỞNG
VIỆN CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Nguyễn Thị Mỹ Linh

★ Phạm Tiến Đạt

**MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA
CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1502/QĐ-ĐHTCM, ngày 15 tháng 4 năm 2026
của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Marketing)

1. Giới thiệu chung về ngành đào tạo:

- Ngành đào tạo (tiếng Việt): **Công nghệ tài chính**
- Ngành đào tạo (tiếng Anh): **Fintech**
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Mã ngành: 7340205
- Định hướng đào tạo: Ứng dụng

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân ngành Công nghệ tài chính theo định hướng ứng dụng, trang bị cho người học các kiến thức nền tảng và chuyên sâu về tài chính, ngân hàng, kết hợp với công nghệ số, khoa học dữ liệu và các ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực tài chính. Chương trình đào tạo hướng đến phát triển cho người học năng lực thực hành nghề nghiệp, khả năng vận dụng được các phương pháp phân tích dữ liệu tài chính, thiết kế và vận hành các sản phẩm, dịch vụ tài chính số; ứng dụng các công nghệ số trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Đồng thời, chương trình bồi dưỡng năng lực nghiên cứu khoa học, tư duy phản biện, năng lực khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài chính số. Người học sau khi tốt nghiệp có ý thức tuân thủ pháp luật, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và bảo mật dữ liệu; có khả năng tư duy đổi mới sáng tạo, thích ứng với môi trường chuyển đổi số và hội nhập quốc tế; đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngân hàng số, công ty fintech, tổ chức tài chính, quỹ đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài chính số.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

❖ *Về kiến thức*

PO1: Có kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội; có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về tài chính, ngân hàng, kết hợp với công nghệ số, khoa học dữ liệu và các ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực tài chính. Người học có khả năng vận dụng các kiến thức tài chính và công nghệ để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong môi trường số, đồng thời có nền tảng để tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

❖ *Về kỹ năng*

PO2: Hình thành và phát triển các kỹ năng phân tích dữ liệu tài chính, thiết kế và vận hành các sản phẩm, dịch vụ tài chính số; kỹ năng ứng dụng các công nghệ số trong lĩnh vực tài chính; kỹ năng tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và ra quyết định trong môi trường tài chính số. ✓

❖ *Về mức tự chủ và trách nhiệm*

PO3: Phát triển khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; tự định hướng, đưa ra nhận định chuyên môn trong lĩnh vực công nghệ tài chính và bảo vệ được quan điểm cá nhân; thích ứng nhanh với sự thay đổi của kinh tế - xã hội, các yêu cầu của sự đổi mới trong lĩnh vực công nghệ tài chính.

3. Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

❖ *Về kiến thức*

- PLO1: Vận dụng được các kiến thức về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật và các kiến thức nền tảng liên quan để phân tích, đánh giá và phản biện các vấn đề trong công việc.

+ PI 1.1: Vận dụng được các kiến thức về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật và các kiến thức nền tảng liên quan để phân tích, đánh giá các vấn đề trong công việc.

+ PI 1.2: Vận dụng được các kiến thức về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật và các kiến thức nền tảng liên quan để phản biện các vấn đề trong công việc.

- PLO2: Vận dụng các kiến thức nền tảng về kinh tế, tài chính, khoa học dữ liệu và công nghệ thông tin để thực hiện các công việc trong lĩnh vực công nghệ tài chính.

+ PI 2.1: Vận dụng các kiến thức nền tảng về kinh tế, tài chính để thực hiện các công việc trong môi trường tài chính số.

+ PI 2.2: Sử dụng các công cụ công nghệ và phân tích dữ liệu để hỗ trợ ra quyết định tài chính.

- PLO3: Phân tích được các vấn đề thực tiễn, lựa chọn được các ứng dụng công nghệ phù hợp trong lĩnh vực tài chính.

+ PI 3.1: Phân tích được các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực công nghệ tài chính.

+ PI 3.2: Lựa chọn được các ứng dụng công nghệ phù hợp trong lĩnh vực tài chính.

❖ *Về kỹ năng:*

- PLO4: Thực hiện được các tình huống thuộc ngành đào tạo, có liên quan đến những hoạt động về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật; sử dụng được tiếng Anh chuyên ngành để giải quyết công việc trong lĩnh vực công nghệ tài chính.

+ PI 4.1: Sử dụng được tiếng Anh chuyên ngành để giải quyết công việc trong lĩnh vực công nghệ tài chính.

+ PI 4.2: Thực hiện được các tình huống thuộc ngành đào tạo, có liên quan đến những hoạt động về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật.

- PLO5: Thực hiện được các phương pháp, công cụ và kỹ thuật phù hợp để giải quyết các công việc chuyên môn trong lĩnh vực công nghệ tài chính; cập nhật được các kiến thức mới, có tinh thần đổi mới sáng tạo, học tập suốt đời nhằm đáp ứng nhu cầu công việc.

+ PI 5.1: Thực hiện được các phương pháp, công cụ và kỹ thuật phù hợp để giải quyết các công việc chuyên môn trong lĩnh vực công nghệ tài chính. ✓

+ PI 7.2: Xác định được quan điểm cá nhân trong lĩnh vực chuyên môn và bảo vệ được quan điểm cá nhân.

4. Ma trận liên kết giữa các học phần và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI 1.1	PI 1.2	PI 2.1	PI 2.2	PI 3.1	PI 3.2	PI 4.1	PI 4.2	PI 5.1	PI 5.2	PI 6.1	PI 6.2	PI 7.1	PI 7.2
1. Khối kiến thức Giáo dục đại cương																
a	Kiến thức lý luận chính trị															
1	Triết học Mác – Lênin	3	I													I
2	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	2	I													I
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	I													I
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	I													I
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	I													I
b	Kiến thức pháp luật															
6	Pháp luật đại cương	3	R								R					R
c	Ngoại ngữ															
7	Tiếng Anh trong kinh doanh	3	I								I					I
8	Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao	3	R								R					R
d	Toán – Tin học															
9	Năng lực số	3	I								I					I
10	Toán kinh tế	3	I								I					I
2. Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp																
a	Kiến thức cơ sở ngành															

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI 1.1	PI 1.2	PI 2.1	PI 2.2	PI 3.1	PI 3.2	PI 4.1	PI 4.2	PI 5.1	PI 5.2	PI 6.1	PI 6.2	PI 7.1	PI 7.2
11	Kinh tế học vi mô	3	I		I					I					I	
12	Kinh tế học vĩ mô	3	I		I					I					I	
13	Nguyên lý kế toán	3	R	R							R				R	
14	Nguyên lý Marketing	3			R		R									
15	Quản trị học	3			R		R						I	R		I
16	Tài chính – Tiền tệ	3			R							R			R	
17	Luật kinh doanh	3			R						R				R	
18	Thuế	3			R							R			R	
19	Tài chính doanh nghiệp	3		R						R					R	
20	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3			R			M	M					R		R
21	Kinh tế lượng	3	R							R				R		R
22	Phát triển bền vững	3	R							R				R		R
23	Cơ sở lập trình	3						R		R	R					R
b	Kiến thức ngành															
24	Phát triển hệ thống thương mại điện tử	3							M						M	
25	Công nghệ bảo hiểm	3						M							M	
26	Khai phá dữ liệu	3							M		M	M				R
27	Tài chính công	3	R/A					R			R/A				R	R/A
28	Hành vi khách hàng	3	R					R			R	R				
29	Tài chính cá nhân							M						M		
30	Tài chính quốc tế			R/A				R			R/A			R		R/A
31	Cơ sở dữ liệu							M						M		M

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI 1.1	PI 1.2	PI 2.1	PI 2.2	PI 3.1	PI 3.2	PI 4.1	PI 4.2	PI 5.1	PI 5.2	PI 6.1	PI 6.2	PI 7.1	PI 7.2
32	Ngân hàng thương mại		R/A					R			R/A				R	R/A
33	Thị trường chứng khoán			R/A				R			R/A				R	R/A
c	Kiến thức chuyên ngành															
Học phần bắt buộc																
34	Tiền số và công nghệ blockchain				M/A					M				M/A	M/A	M
35	Học máy							M							M	
36	Thực hành nghề nghiệp công nghệ tài chính							M						M		M
Học phần tự chọn: chọn mỗi nhóm 1 học phần																
Nhóm 1																
37	Quản lý và ứng dụng cơ sở dữ liệu trong tài chính					M/A	M/A	M/A					M/A		M	M
38	Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính					M/A	M/A	M/A					M/A	M	M	
Nhóm 2																
39	Công nghệ Tiền điện tử và hệ thống thanh toán điện tử				M/A		M						M/A	M/A	M	
40	Trí tuệ nhân tạo trong giao dịch định lượng				M/A		M						M/A	M/A	M	
d	Kiến thức bổ trợ ngành															
41	Phân tích dữ liệu với Python								M						M	M

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI 1.1	PI 1.2	PI 2.1	PI 2.2	PI 3.1	PI 3.2	PI 4.1	PI 4.2	PI 5.1	PI 5.2	PI 6.1	PI 6.2	PI 7.1	PI 7.2
42	Hợp đồng thông minh				M/A	M/A				M/A			M		M	
3. Tốt nghiệp																
43	Khóa luận tốt nghiệp							M/A							M/A	
Hoặc																
44	Thực tập cuối khóa							M/A							M/A	
45	Học phần thay thế: Thực hành ứng dụng công nghệ trong tài chính							M/A							M/A	

Ghi chú: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo./.

TÀI HIỆU TRƯỞNG



VIỆN TRƯỞNG
VIỆN CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

(Signature)

★ Phạm Tiến Đạt

Nguyễn Thị Mỹ Linh

